| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN P**<br>TỈNH BÌNH DƯƠNG | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 11/2018/HNGĐ-ST
Ngày 27/3/2018
V/v tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà*: Ông Bùi Văn Quế.

*Các Hội thẩm nhân dân*:
Ông Phạm Xuân Hào;
Bà Nguyễn Thị Kim Phượng.

***- Thư ký phiên tòa***: Bà Trịnh Thu Thảo là Thư ký Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bình Dương.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Bình Dương tham gia phiên toà:*** Ông Trịnh Đình Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện P, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 335/2017/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2017 về "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị B, sinh năm 1984;
Địa chỉ cư trú: Số nhà 15, ấp B, xã A, huyện P, tỉnh Bình Dương. Có mặt

- *Bị đơn:* Ông Mai Đức M, sinh năm 1978;
Địa chỉ cư trú: Số nhà 15, ấp B, xã A, huyện P, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn bà Lê Thị B trình bày*: Bà và ông Mai Đức M tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn vào ngày 28 tháng 11 năm 2005 tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện P, tỉnh Bình Dương. Sau khi kết hôn, thời gian đầu chung sống với nhau rất hạnh phúc nhưng sau đó không hạnh phúc nữa. Nguyên nhân mâu thuẫn: Hai vợ chồng thường bất đồng quan điểm và hay cãi nhau, không hợp nhau. Tình cảm vợ chồng bị rạn nứt, không còn hàn gắn được nữa. Hiện tại, bà và ông M không còn chung sống với nhau, cuộc sống hai vợ chồng không còn hạnh phúc, tình cảm vợ

chồng đã không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể tiếp tục kéo dài. Vì vậy, bà quyết định ly hôn với ông Mai Đức M.

Về con chung: Vợ chồng bà có 01 con chung tên Mai Đức D, sinh ngày 16/8/2006. Hiện tại, con chung đang sống cùng bà B. Nếu được Tòa án cho ly hôn với ông M, bà tôn trọng quyền quyết định của con chung Mai Đức D. Nếu con chung ở cùng bà, bà yêu cầu ông Mai Đức M phải cấp dưỡng nuôi con chung Mai Đức D số tiền là 1.000.000 đồng (Một triệu đồng)/tháng đến khi con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Mai Đức M được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để làm việc, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng vẫn cố tình vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử không thể xem xét ý kiến của bị đơn.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa phát biểu về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình thụ lý, chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký và những người tham gia tố tụng đã thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Hôn nhân giữa bà B và ông M là hôn nhân hợp pháp, quá trình chung sống xảy ra mâu thuẫn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về con chung: Theo nguyện vọng của con chung Mai Đức D, sinh ngày 16/8/2006 được ở cùng mẹ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận. Về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung: Tại phiên toà bà Lê Thị B rút yêu cầu ông Mai Đức M phải cấp dưỡng nuôi con chung Mai Đức D là tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật, nên đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của bà Lê Thị B. Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà của các bên đương sự và quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện P, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Đây là tranh chấp ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, hiện bị đơn ông Mai Đức M đang thường trú tại xã A, huyện P, tỉnh Bình Dương và nguyên đơn bà Lê Thị B có đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bình Dương nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện P theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về việc vắng mặt của bị đơn: Sau khi thụ lý vụ án, Toà án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng như: Thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên hòa giải, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên toà cho bị đơn ông Mai Đức M, nhưng ông M vắng mặt trong các buổi hoà giải, phiên toà

sơ thẩm và cũng không gửi văn bản nêu ý kiến cho Toà án về việc khởi kiện yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn bà Lê Thị B. Do vậy, Toà án căn cứ vào các Điều 5, 6, 91 và Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự để giải quyết vắng mặt bị đơn.

[3] Về hôn nhân: Nguyên đơn bà Lê Thị B và bị đơn ông Mai Đức M chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã A, huyện P, tỉnh Bình Dương nên đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng không tin tưởng lẫn nhau, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, hiện hai vợ chồng đã sống ly thân, nên nguyên đơn xin ly hôn với bị đơn.

[4] Theo biên bản xác minh tại xã A, huyện P ngày 12 tháng 10 năm 2017 thì cuộc sống hôn nhân giữa bà B và ông M có mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn giữa ông M và bà B địa phương không nắm rõ, do đương sự giải quyết nội bộ, không nhờ chính quyền địa phương can thiệp giải quyết và không có đơn yêu cầu. Hiện tại bà B và ông M đã sống ly thân.

[5] Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng bà B và ông M đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên xem xét chấp nhận cho bà Lê Thị B được ly hôn với ông Mai Đức M.

[6] Về con chung: Vợ chồng ông bà có một con chung tên Mai Đức D, sinh ngày 16/8/2006. Hiện tại, con chung đang ở cùng bà Lê Thị B. Hiện nay, cháu Mai Đức D đã trên 07 tuổi, theo nguyện vọng của cháu D muốn được ở cùng mẹ. Vì vậy, Hội đồng xét xử sẽ giao cháu Mai Đức D cho bà Lê Thị B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên toà bà Lê Thị B rút yêu cầu ông Mai Đức M phải cấp dưỡng nuôi con chung Mai Đức D. Việc rút một phần yêu cầu khởi kiện về cấp dưỡng nuôi con của bà Lê Thị B là tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử sẽ đình chỉ đối với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của bà Lê Thị B.

[7] Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[8] Đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện P tham gia phiên tòa là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về án phí: Đương sự phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 5, Điều 6, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 91 và các Điều 147, 227, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84, 85, 86 và 87 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị B đối với bị đơn ông Mai Đức M về việc "Tranh chấp ly hôn".

2. Về hôn nhân: Bà Lê Thị B được ly hôn với ông Mai Đức M.

3. Về con chung: Giao con chung Mai Đức D, sinh ngày 16/8/2006 cho bà Lê Thị B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

4. Đình chỉ yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của bà Lê Thị B đối với ông Mai Đức M.

Ông Mai Đức M có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con không ai được ngăn cản. Vì quyền lợi của con chưa thành niên, Toà án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con khi đương sự có đơn yêu cầu phù hợp quy định pháp luật.

5. Về tài sản chung, nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

6. Về án phí: Bà Lê Thị B phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0008199 ngày 09 tháng 10 năm 2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Bình Dương.

7. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

***Nơi nhận***:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện P;
- Chi cục THADS huyện P;
- UBND xã A;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Bùi Văn Quế**